

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

I – MỤC TIÊU

Môn Lịch sử và Địa lí ở cấp Tiểu học nhằm giúp học sinh :

1. Có một số kiến thức cơ bản, thiết thực về :

- Các sự kiện, hiện tượng, nhân vật lịch sử tiêu biểu, tương đối có hệ thống theo dòng thời gian lịch sử của Việt Nam từ buổi đầu dựng nước cho tới nay.
- Các sự vật, hiện tượng và các mối quan hệ địa lí đơn giản ở Việt Nam, các châu lục và một số quốc gia trên thế giới.

2. Bước đầu hình thành và rèn luyện các kĩ năng

- Quan sát sự vật, hiện tượng ; thu thập, tìm kiếm tư liệu lịch sử, địa lí từ các nguồn khác nhau.
- Nêu thắc mắc, đặt câu hỏi trong quá trình học tập và chọn thông tin để giải đáp.
- Trình bày lại kết quả học tập bằng lời nói, bài viết, hình vẽ, sơ đồ,...
- Vận dụng các kiến thức đã học vào thực tiễn đời sống.

3. Từng bước phát triển ở học sinh những thái độ và thói quen

- Ham học hỏi, tìm hiểu để biết về môi trường xung quanh các em.
- Yêu thiên nhiên, con người, quê hương, đất nước.
- Tôn trọng, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và văn hoá gần gũi với học sinh.

II – NỘI DUNG

1. Kế hoạch dạy học

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
4	2	35	70
5	2	35	70
Cộng (toàn cấp)		70	140

2. Nội dung dạy học từng lớp

LỚP 4

$$2 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 70 \text{ tiết}$$

PHẦN LỊCH SỬ

$$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$$

Một số sự kiện, nhân vật lịch sử tiêu biểu của lịch sử dân tộc qua các thời kì. Yêu cầu cung cấp những nét chính (diễn biến, thời gian, không gian,...) để tạo biểu tượng cho học sinh.

1. Buổi đầu dựng nước và giữ nước (từ khoảng năm 700 TCN đến năm 179 TCN)

- Sự ra đời của nhà nước Văn Lang, Âu Lạc ;
- Một số phong tục của người Việt cổ ;
- Cuộc kháng chiến của An Dương Vương.

2. Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập (từ năm 179 TCN đến năm 938)

- Đòi sống nhân dân ta trong thời kì bị đô hộ ;
- Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu và người lãnh đạo : Hai Bà Trưng,... ; Chiến thắng Bạch Đằng do Ngô Quyền lãnh đạo.

3. Buổi đầu độc lập (từ năm 938 đến năm 1009)

□n định đất nước, chống ngoại xâm : tuổi trẻ của Đinh Bộ Lĩnh ; dẹp loạn 12 sứ quân ; Lê Hoàn lên ngôi vua ; cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất.

4. Nước Đại Việt thời Lý (từ năm 1009 đến năm 1226)

- Tên nước, kinh đô, Lý Thái Tổ ;
- Cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ hai : phòng tuyến sông Cầu (Nhu Nguyệt), Lý Thường Kiệt ;
- Đòi sống nhân dân : chùa, trường học (Văn Miếu).

5. Nước Đại Việt thời Trần (từ năm 1226 đến năm 1400)

- Tên nước, kinh đô, vua ;
- Ba lần chiến thắng quân Mông - Nguyên xâm lược ;
- Công cuộc xây dựng đất nước ở thời Trần : việc đắp đê.

6. Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê (thế kỉ XV)

- Chiến thắng Chi Lăng ;
- Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông ;
- Công cuộc xây dựng đất nước : Bộ luật Hồng Đức, nông nghiệp phát triển, các công trình sử học, văn học, giáo dục, thi cử (bia Tiến sĩ).

7. Nước Đại Việt (thế kỉ XVI – XVIII)

a) Thời Trịnh - Nguyễn phân tranh (thế kỉ XVI - thế kỉ XVII)

- Chiến tranh Trịnh - Nguyễn ;
- Tình hình Đàng Ngoài : Thăng Long, Phố Hiến ;
- Tình hình Đàng Trong : Hội An, công cuộc khẩn hoang.

b) Thời Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII)

- Chống ngoại xâm : trận Đống Đa ;
- Xây dựng đất nước : dùng chữ Nôm, chiếu Khuyến nông ;
- Nguyễn Huệ - Anh hùng dân tộc.

8. Buổi đầu thời Nguyễn (từ năm 1802 đến năm 1858)

- Nhà Nguyễn được thành lập ;
- Kinh thành Huế.

Lịch sử địa phương

PHẦN ĐỊA LÝ

$$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$$

ĐỊA LÝ VIỆT NAM

1. Bản đồ
2. Thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người ở miền núi và trung du (dãy Hoàng Liên Sơn, Trung du Bắc Bộ, Tây Nguyên)
3. Thiên nhiên và hoạt động sản xuất của con người ở miền đồng bằng (đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ, đồng bằng Duyên hải miền Trung)
4. Vùng biển Việt Nam ; các đảo, quần đảo

LỚP 5

$$2 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$$

PHẦN LỊCH SỬ

$$1 \text{ tiết/tuần} \times 35 \text{ tuần} = 35 \text{ tiết}$$

Một số sự kiện tiêu biểu của lịch sử dân tộc qua các thời kì với những nét chính về diễn biến, kết quả, ý nghĩa và các nhân vật lịch sử tiêu biểu.

1. Hơn tám mươi năm chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ (1858 - 1945)

- Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược : Trương Định ;
- Đề nghị canh tân đất nước : Nguyễn Trường Tộ ;
- Cuộc phản công ở kinh thành Huế. Phong trào Cần vương : Phan Đình Phùng, Nguyễn Thiện Thuật,...
- Sự chuyển biến trong kinh tế - xã hội Việt Nam và cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp vào đầu thế kỉ XX ;
- Nguyễn □ □ i Quốc ;
- Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ;
- Phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc từ năm 1930 đến năm 1945 : Xô viết Nghệ – Tĩnh ; Cách mạng tháng Tám năm 1945 ; Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2 – 9 – 1945.

2. Bảo vệ chính quyền non trẻ, trường kì kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)

- Việt Nam những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám ;
- Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến ;
- Những ngày đầu toàn quốc kháng chiến ;
- Chiến thắng Việt Bắc thu – đông năm 1947 ; Chiến thắng Biên giới thu – đông 1950 ; hậu phương của ta ;
- Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

3. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954 - 1975)

- Sự chia cắt đất nước ;
- Bến Tre đồng khởi ;
- Miền Bắc xây dựng : Nhà máy Cơ khí Hà Nội ;
- Hậu phương và tiền tuyến : đường Trường Sơn ;
- Sấm sét đêm giao thừa (Tết Mậu Thân 1968) ;
- Chiến dịch Hồ Chí Minh.

4. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước (từ năm 1975 đến nay)

- Hoàn thành thống nhất đất nước ;
- Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hoà Bình.

Lịch sử địa phương

PHẦN ĐỊA LÝ

1 tiết/tuần × 35 tuần = 35 tiết

A. ĐỊA LÝ VIỆT NAM

I - Tự nhiên

1. Vị trí địa lí, diện tích, hình dạng lãnh thổ
2. Một số đặc điểm nổi bật về địa hình, khoáng sản, khí hậu, sông, biển, đất, rừng

II - Dân cư

1. Số dân, sự gia tăng dân số và hậu quả của nó
2. Một số đặc điểm nổi bật về các dân tộc Việt Nam ; dân cư và sự phân bố dân cư

III - Kinh tế

1. Đặc điểm nổi bật về tình hình phát triển và sự phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp
2. Đặc điểm nổi bật về tình hình phát triển và sự phân bố công nghiệp
3. Đặc điểm nổi bật về giao thông, thương mại, du lịch

B. ĐỊA LÝ THẾ GIỚI

1. Bản đồ các châu lục và đại dương trên thế giới
2. Một số đặc điểm của từng châu lục, từng đại dương trên thế giới
3. Khái quát về khu vực Đông Nam Á □
4. Một số quốc gia tiêu biểu ở các châu lục : Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia, Liên bang Nga, Pháp, Ai Cập, Hoa Kỳ và Ô-xtrây-li-a (vị trí, thủ đô và một số đặc điểm nổi bật của mỗi quốc gia)

III – CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

LỚP 4

PHẦN LỊCH SỬ

C	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1. Buổi đầu dựng nước và giữ nước (từ khoảng năm 700 TCN đến năm 179 TCN)	<ul style="list-style-type: none">- Nắm được một số sự kiện về nhà nước Văn Lang, kinh đô, thời gian tồn tại, những nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ.- Nắm được một cách sơ lược cuộc kháng chiến chống Triệu Đà của nhân dân Âu Lạc.	<ul style="list-style-type: none">- Chú trọng đến đời sống vật chất (sản xuất, ăn, mặc, ở), đời sống tinh thần (ca hát, lễ hội,...) của người Việt cổ.- Thời kì đầu do đoàn kết, có vũ khí lợi hại nên giành được thắng lợi. Nhưng về sau do An Dương Vương chủ quan nên cuộc kháng chiến thất bại.

C	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
<p>2. Hơn một nghìn năm đấu tranh giành lại độc lập (từ năm 179 TCN đến năm 938)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được thời gian đô hộ của phong kiến phương Bắc đối với nước ta. - Nêu đôi nét về đời sống cực nhục của nhân dân ta dưới ách đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc. - Kể ngắn gọn cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40) và trận Bạch Đằng (năm 938). - Ghi nhớ : Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40) mở đầu cho các cuộc đấu tranh giành độc lập và chiến thắng Bạch Đằng (năm 938) kết thúc thời kì nước ta bị phong kiến phương Bắc đô hộ, mở ra thời kì đất nước độc lập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài điểm chính, sơ giản về việc nhân dân ta phải cống nạp những sản vật quý, đi lao dịch, bị cưỡng bức theo phong tục của người Hán. - Chú ý nguyên nhân khởi nghĩa, người lãnh đạo.
<p>3. Buổi đầu độc lập (từ năm 938 đến năm 1009)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các sự kiện từ năm 938 đến năm 1009 ; chú trọng hai sự kiện lớn : Đinh Bộ Lĩnh dẹp loạn 12 sứ quân và cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược lần thứ nhất (năm 981) do Lê Hoàn chỉ huy. - Tường thuật ngắn gọn cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất (981). - Đôi nét về cuộc đời, sự nghiệp của Đinh Bộ Lĩnh và Lê Hoàn 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng lược đồ để nêu đôi nét về diễn biến và kết quả của cuộc kháng chiến. - Kể các câu chuyện về tuổi thơ của Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn lên ngôi vua.
<p>4. Nước Đại Việt thời Lý (từ năm 1009 đến năm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các sự kiện cần nắm : Lý Công Uẩn lên ngôi vua, dời đô từ Hoa Lư ra Thăng Long, Lý Thánh Tông đổi tên nước là Đại Việt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Giải thích vì sao Lý Thái Tổ dời đô ra Thăng Long (đất rộng, ven sông lớn, giao lưu thuận lợi). - Có thể sử dụng lược đồ trận chiến

C	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
1226)	<ul style="list-style-type: none"> - Những nét chính về phòng tuyến sông Như Nguyệt. - Biết được những biểu hiện về sự phát triển của đạo Phật thời Lý (xây dựng nhiều chùa, vai trò của các nhà sư trong đời sống xã hội). - Vài nét về công lao của Lý Công Uẩn, Lý Thường Kiệt. 	<p>tại phòng tuyến sông Như Nguyệt và bài thơ tương truyền của Lý Thường Kiệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu tên một ngôi chùa cổ. - Dựa vào kiến thức trên để nêu cụ thể về công lao của hai ông.
5. Nước Đại Việt thời Trần (từ năm 1226 đến năm 1400)	<ul style="list-style-type: none"> - Biết rằng sau nhà Lý là nhà Trần, kinh đô vẫn là Thăng Long, tên nước vẫn là Đại Việt. - Một vài sự kiện về sự quan tâm của nhà Trần tới sản xuất nông nghiệp. - Nêu một số sự kiện tiêu biểu về ba lần chiến thắng quân xâm lược Mông - Nguyên, thể hiện : quyết tâm chống giặc của quân dân nhà Trần, tài thao lược của các tướng sĩ mà tiêu biểu là Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. - Ghi nhớ một số sự kiện về sự suy yếu của nhà Trần : vua quan ăn chơi sa đọa, nông dân và nô tì nổi dậy đấu tranh ; hoàn cảnh Hồ Quý Ly truất ngôi vua Trần, lập nên nhà Hồ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Công cuộc đắp đê chống lụt. - Tập trung vào các sự kiện : Hội nghị Diên Hồng, Hịch tướng sĩ, chiến sĩ thích vào tay hai chữ "Sát Thát" và chuyện Trần Quốc Toản bóp nát quả cam.
6. Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê (thế kỉ XV)	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm sự kiện về khởi nghĩa Lam Sơn và nhà Hậu Lê được thành lập. - Sự phát triển của giáo dục, văn học và khoa học thời Hậu Lê. - Nêu các mẫu chuyện về Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên, Lương 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ tập trung vào trận Chi Lăng. - Sự kiện cụ thể : về tổ chức giáo dục, chính sách khuyến khích học tập, một vài cuốn sách và tác giả tiêu biểu thời Hậu Lê.

C	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ
	Thế Vinh trong công cuộc dựng nước và giữ nước dưới thời Hậu Lê.	- Kể chuyện Lê Lợi trả gươm cho Rùa thần.
7. Nước Đại Việt thế kỉ XVI - XVIII	<ul style="list-style-type: none"> - Một vài sự kiện về sự chia cắt đất nước, tình hình kinh tế sa sút. - Sơ lược về quá trình khẩn hoang ở Đàng Trong. - Miêu tả những nét cụ thể, sinh động về ba thành thị : Thăng Long, Phố Hiến, Hội An ở các thế kỉ này để thấy rằng thương nghiệp ở thời kì này phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng lược đồ Việt Nam chỉ ra ranh giới chia cắt Đàng Ngoài - Đàng Trong và vùng đất khẩn hoang. - Nêu được từ thế kỉ XVI, các chúa Nguyễn tổ chức khai khẩn đất hoang ở Đàng Trong. Những đoàn người khai hoang đã tiến vào vùng đất ven biển Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long. - Dùng lược đồ chỉ vị trí và quan sát tranh, ảnh về các thành thị này.
	<ul style="list-style-type: none"> - Đôi nét về việc nghĩa quân Tây Sơn tiến ra Thăng Long diệt chúa Trịnh (1786). - Dựa vào lược đồ, tường thuật sơ lược về việc Quang Trung đại phá quân Thanh, chú ý các trận tiêu biểu như : Ngọc Hồi, Đống Đa. - Nêu công lao của Nguyễn Huệ - Quang Trung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung vào các điểm : + Đánh bại chúa Nguyễn, chúa Trịnh, quân xâm lược Xiêm, quân xâm lược Mãn Thanh. + Xây dựng đất nước.
8. Buổi đầu	- Nhà Nguyễn được thành lập. Kinh đô Huế.	

C	MỨC ĐỘ CẦN ĐẠT	GHI CHÚ		
thời Nguyễn (1802 - 1858)	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu một vài chính sách cụ thể của các vua nhà Nguyễn để củng cố sự thống trị. - Mô tả đôi nét về kinh thành Huế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý : Quyền lực tập trung vào vua, đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân. - Vẻ đẹp của kinh thành (dùng tranh, ảnh). 		
Tổng kết	<ul style="list-style-type: none"> - Lập bảng tóm tắt sự kiện tiêu biểu để nhớ được các thời kì lịch sử của dân tộc ta từ triều Lý đến buổi đầu nhà Nguyễn. - Lập bảng nêu tên và những công hiến của các nhân vật lịch sử tiêu biểu trong quá trình dựng nước và giữ nước từ thời Hùng Vương đến buổi đầu nhà Nguyễn : Hùng Vương, An Dương Vương, Hai Bà Trưng, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh, Lê Hoàn, Lý Thái Tổ, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Ngô Sĩ Liên, Quang Trung. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lập bảng tổng kết sự kiện theo mẫu sau : Ví dụ : 		
		Triều đại	Sự kiện, hiện tượng tiêu biểu	
		Lý ...	<ul style="list-style-type: none"> - Dời đô ra Thăng Long - Kháng chiến chống Tống thắng lợi - Đạo Phật rất phát triển ... 	

PHẦN ĐỊA LÝ

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
I – BẢN ĐỒ	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được định nghĩa đơn giản về bản đồ. - Biết một số yếu tố của bản đồ. - Nêu được trình tự các bước sử dụng bản đồ ở mức độ đơn giản. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc bản đồ ở mức độ đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên, phương hướng, tỉ lệ và kí hiệu bản đồ. - Đọc tên bản đồ, xem bảng chú giải, tìm đối tượng địa lí trên bản đồ. - Nhận biết vị trí và một số đặc điểm của đối tượng địa lí trên bản đồ ; dựa vào màu sắc, kí hiệu phân biệt độ cao, nhận biết núi, cao nguyên, đồng bằng, vùng biển.
II – THIÊN NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CON NGƯỜI Ở MIỀN NÚI VÀ VÙNG TRUNG DU 1. Thiên nhiên	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu của dãy Hoàng Liên Sơn, Trung du Bắc Bộ, Tây Nguyên. - Mô tả sơ lược được sông ở vùng núi, rừng rậm nhiệt đới, rừng rụng lá mùa khô. - Nêu được vai trò của rừng đối với đời sống và sản xuất, sự cần thiết phải bảo vệ rừng. 	

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được dãy Hoàng Liên Sơn, các cao nguyên ở Tây Nguyên trên bản đồ (lược đồ) tự nhiên Việt Nam. - Sử dụng được bảng số liệu để nêu đặc điểm khí hậu ở mức độ đơn giản. - Chỉ trên bản đồ (lược đồ) và kể tên một số con sông bắt nguồn từ Tây Nguyên. 	
<p>2. Dân cư</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhớ được tên một số dân tộc ít người. - Biết được ở miền núi dân cư thưa thớt. - Mô tả sơ lược về nhà sàn, trang phục của một số dân tộc ít người. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được tranh ảnh để mô tả nhà sàn và trang phục của một số dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thái, Mông, Dao, Gia-rai, Ê-đê, Ba-na,...
<p>3. Hoạt động sản xuất</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở Hoàng Liên Sơn, Trung du Bắc Bộ, Tây Nguyên. - Nhận biết được khó khăn của giao thông ở miền núi. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tranh, ảnh, bảng số liệu để nhận biết một số đặc điểm về hoạt động sản xuất của người dân. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động trồng trọt, chăn nuôi ; làm nghề thủ công ; khai thác khoáng sản, khai thác sức nước và lâm sản.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
4. Thành phố	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của thành phố Đà Lạt. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được thành phố Đà Lạt trên bản đồ (lược đồ). 	
<p>III – THIÊN NHIÊN VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CON NGƯỜI Ở MIỀN ĐỒNG BẰNG</p> <p>1. Thiên nhiên</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số đặc điểm tiêu biểu về địa hình, khí hậu, đất đai, sông ngòi của đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ, dải đồng bằng Duyên hải miền Trung. - Mô tả sơ lược sông ở đồng bằng. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vị trí của đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ, dải đồng bằng Duyên hải miền Trung trên bản đồ (lược đồ). - Chỉ một số sông chính trên bản đồ (lược đồ). - Nhận xét ở mức độ đơn giản bảng số liệu nhiệt độ của Hà Nội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sông Hồng, sông Thái Bình, sông Tiền, sông Hậu.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
<p>2. Dân cư</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhớ được tên một số dân tộc sống ở đồng bằng. - Biết đồng bằng là nơi dân cư đông đúc. - Mô tả sơ lược nhà ở, trang phục của một số dân tộc. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tranh ảnh để mô tả nhà ở và trang phục của một số dân tộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh, Khmer, Hoa, Chăm,...
<p>3. Hoạt động sản xuất</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số hoạt động sản xuất chủ yếu của người dân ở đồng bằng Bắc Bộ, đồng bằng Nam Bộ, dải đồng bằng Duyên hải miền Trung. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tranh, ảnh, bảng số liệu, biểu đồ để nhận biết một số hoạt động sản xuất của người dân. - Chỉ được một số tuyến đường giao thông chính của vùng trên bản đồ treo tường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng bằng Bắc Bộ : trồng lúa, rau xứ lạnh ; nuôi nhiều lợn và gia cầm ; làm nhiều nghề thủ công, ... - Đồng bằng Nam Bộ : trồng nhiều lúa, cây ăn quả ; nuôi trồng và chế biến thủy sản ; chế biến lương thực, ... - Dải đồng bằng Duyên hải miền Trung : trồng lúa, mía, lạc,... ; làm muối ; nuôi, đánh bắt và chế biến thủy sản ; du lịch.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
<p>4. Thành phố</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được một số đặc điểm chủ yếu của các thành phố : Hà Nội, Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Huế, Đà Nẵng. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ được thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Cần Thơ, Huế, Đà Nẵng trên bản đồ (lược đồ). 	
<p>IV – VÙNG BIỂN VIỆT NAM ; CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sơ lược về vùng biển, đảo và quần đảo của nước ta. - Kể được tên một số hoạt động khai thác nguồn lợi chính của biển, đảo. <p>Kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vị trí của Biển Đông, các vịnh, quần đảo, đảo lớn của Việt Nam trên bản đồ (lược đồ). 	<ul style="list-style-type: none"> - Hải sản, dầu khí, du lịch, cảng biển,... - Vịnh Bắc Bộ, vịnh Thái Lan ; quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa ; đảo Cái Bầu, Cát Bà, Côn Đảo, Phú Quốc,...

LỚP 5
PHẦN LỊCH SỬ

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
<p>1. Hơn tám mươi năm chống thực dân Pháp xâm lược và đô hộ (1858 - 1945)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được trong thời kì đầu thực dân Pháp xâm lược, Trương Định là thủ lĩnh nổi tiếng của phong trào chống Pháp ở Nam Kỳ. - Một vài đề nghị chính về cải cách của Nguyễn Trường Tộ. - Tường thuật sơ lược cuộc phản công ở kinh thành Huế do Tôn Thất Thuyết và một số quan lại yêu nước tổ chức. - Biết tên một số người lãnh đạo các cuộc khởi nghĩa lớn của phong trào Cần vương (Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết, Phan Đình Phùng, Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Nguyễn Thiện Thuật...). - Nêu một số đường phố, trường học, liên đội thiếu niên,... ở địa phương mang tên các nhân vật lịch sử nêu trên (nếu có). - Biết một vài điểm mới về tình hình kinh tế và xã hội ở Việt Nam đầu thế kỉ XX. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu các sự kiện chủ yếu về Trương Định : không tuân theo lệnh vua, cùng nhân dân chống Pháp,... - Các đường phố, trường học ở địa phương mang tên Trương Định. - Nắm được một vài đề nghị chính về cải cách của Nguyễn Trường Tộ. - Giới hạn ở các sự kiện : <ul style="list-style-type: none"> + Về kinh tế : xuất hiện nhà máy, hầm mỏ, đồn điền, đường ô tô, đường sắt. + Về xã hội : xuất hiện các tầng lớp

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<ul style="list-style-type: none"> - Phan Bội Châu là một trong những nhà yêu nước tiêu biểu đầu thế kỉ XX. - Ngày 5-6-1911, tại bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh), Nguyễn Tất Thành (tên của Bác Hồ lúc đó) ra đi tìm đường cứu nước. - Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập ngày 3-2-1930. Lãnh tụ Nguyễn Quốc (Bác Hồ) là người chủ trì Hội nghị thành lập Đảng. - Kể lại cuộc biểu tình ngày 12-9-1930 ở Nghệ An, một số biểu hiện về xây dựng cuộc sống mới ở thôn xã. - Tường thuật sự kiện : Nhân dân Hà Nội khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi (19-8-1945). - Biết Cách mạng tháng Tám nổ ra vào thời gian nào, sự kiện cần nhớ, kết quả. - Tường thuật lại cuộc mít tinh ngày 2-9-1945 tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>. 	<ul style="list-style-type: none"> mới : chủ xưởng, chủ nhà buôn, công nhân. - Giới thiệu đôi nét về cuộc đời, hoạt động của Phan Bội Châu. - Xem bức tranh "Bác Hồ ra đi từ bến Nhà Rồng". - Ghi nhớ : Bác Hồ là người thành lập Đảng, đưa phong trào cách mạng sang thời kì mới. - Xem bức tranh "Xô viết Nghệ - Tĩnh" và thấy được khí thế của phong trào. - □ một số địa phương, học sinh có thể cần biết thêm thời gian giành chính quyền thắng lợi ở địa phương mình. - Ngày 19-8 trở thành ngày kỉ niệm Cách mạng tháng Tám. - Chú ý : Bác Hồ đọc <i>Tuyên ngôn Độc lập</i>.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ đây là sự kiện lịch sử trọng đại, đánh dấu sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. 	
<p>2. Bảo vệ chính quyền non trẻ, trường kì kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta. Toàn dân đứng lên kháng chiến chống Pháp. - Trình bày sơ lược diễn biến của chiến dịch Việt Bắc thu - đông năm 1947 trên lược đồ, nắm được ý nghĩa thắng lợi. - Tường thuật sơ lược diễn biến chiến dịch Biên giới trên lược đồ. - Kể lại được tám gương anh hùng La Văn Cầu. - Hậu phương được mở rộng và xây dựng vững mạnh. - Tường thuật sơ lược chiến thắng Điện Biên Phủ (nêu một vài tấm gương tiêu biểu, ví dụ : Phan Đình Giót). - Trình bày sơ lược ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phá tan âm mưu tiêu diệt đầu não kháng chiến, bảo vệ căn cứ địa kháng chiến. - Chú ý hình ảnh bộ đội, dân công trong chiến dịch Điện Biên Phủ. - □ nghĩa chiến thắng.
<p>3. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (1954 -1975)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết đôi nét về tình hình nước ta sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954. - Miền Bắc được giải phóng, tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. - Mĩ - Diệm âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, tàn sát đồng bào miền Nam, nhân dân ta phải cầm vũ khí đứng lên chống Mĩ - Diệm. - Cuối năm 1959 – đầu năm 1960, phong trào "Đồng khởi" nổ ra và thắng lợi ở nhiều vùng nông thôn miền Nam (Bến Tre là nơi tiêu biểu của phong trào "Đồng khởi"). - Đường Trường Sơn với việc chi viện sức người, vũ khí, lương 	<ul style="list-style-type: none"> - Chú ý : <ul style="list-style-type: none"> + Đất nước bị chia cắt (dùng bản đồ chỉ giới tuyến quân sự tạm thời). + Những hành động tàn ác của Mĩ – Diệm. - Sử dụng bản đồ, tranh, ảnh để trình bày sự kiện.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<p>thực,... của miền Bắc cho chiến trường miền Nam, góp phần to lớn vào thắng lợi của cách mạng miền Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy của quân dân miền Nam vào dịp Tết Mậu Thân (1968), tiêu biểu là cuộc chiến đấu ở Sứ quán Mĩ tại Sài Gòn. - Ngày 27-1-1973, Mĩ buộc phải kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam. - Ngày 30-4-1975, quân dân ta giải phóng Sài Gòn (nay là Thành phố Hồ Chí Minh), kết thúc cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. Từ đây, đất nước hoàn toàn độc lập, thống nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi : "Vì sao chúng ta đã giải phóng được hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước ?".
<p>4. Xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước (từ năm 1975 đến nay)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tháng 4 - 1976, Quốc hội chung cho cả nước được bầu và họp vào cuối tháng 6 – đầu tháng 7 - 1976. - Một số thành tựu xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, đặc biệt từ sau đổi mới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng Nhà máy Thủy điện Hoà Bình. - Nêu một công trình của địa phương mình (chú ý nhà trường).

PHẦN ĐỊA LÍ

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
<p>I – ĐỊA LÝ VIỆT NAM</p> <p>1. Tự nhiên</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sơ lược vị trí địa lí và giới hạn nước Việt Nam. - Ghi nhớ diện tích phần đất liền của Việt Nam. - Nêu được một số đặc điểm chính của địa hình và nêu tên một số khoáng sản chính của Việt Nam. - Nêu được một số đặc điểm chính của khí hậu Việt Nam. - Nhận biết ảnh hưởng của khí hậu tới đời sống và sản xuất của nhân dân ta. - Nêu được một số đặc điểm chính của sông ngòi Việt Nam và vai trò của chúng. - Nhận xét được mối quan hệ giữa khí hậu với chế độ nước của sông ngòi. - Nêu được một số đặc điểm của đất phù sa và đất phe-ra-lit. - Phân biệt được rừng rậm nhiệt đới và rừng ngập mặn - Nêu được một số đặc điểm và vai trò của vùng biển nước ta. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự khác nhau giữa hai miền : miền Bắc có mùa đông lạnh, mưa phùn ; miền Nam nóng quanh năm với 2 mùa mưa, khô rõ rệt. - Ảnh hưởng tích cực : cây cối xanh tốt quanh năm, sản phẩm nông nghiệp đa dạng ; ảnh hưởng tiêu cực : thiên tai (lũ lụt, hạn hán, bão). - Bồi đắp phù sa, cung cấp nước, tôm cá, nguồn thủy điện,... - Nước sông lên xuống theo mùa, mùa mưa thường có lũ lớn. - Về môi trường sống và đặc điểm cây trong rừng. - Điều hoà khí hậu và phát triển các ngành kinh tế biển,...

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết vị trí, giới hạn phần đất liền Việt Nam trên bản đồ (lược đồ). - Chỉ các dãy núi, cao nguyên, đồng bằng lớn ; một số mỏ khoáng sản chính trên bản đồ (lược đồ). - Chỉ ranh giới khí hậu Bắc - Nam (dãy núi Bạch Mã) trên bản đồ (lược đồ). - Chỉ các sông : Hồng, Thái Bình, Tiền, Hậu, Đồng Nai, Mã, Cà trên bản đồ (lược đồ). - Chỉ một số điểm du lịch, nghỉ mát ven biển nổi tiếng trên bản đồ (lược đồ). - Nhận biết nơi phân bố của đất phù sa, đất phe-ra-lit ; của rừng rậm nhiệt đới, rừng ngập mặn trên bản đồ (lược đồ). - Nhận biết rừng rậm nhiệt đới, rừng ngập mặn qua tranh, ảnh. - Nhận xét được bảng số liệu khí hậu ở mức độ đơn giản. 	<ul style="list-style-type: none"> - Than ở Quảng Ninh, sắt ở Thái Nguyên, a-pa-tit ở Lào Cai, dầu khí ở vùng biển phía nam,... - Theo hướng từ nguồn tới cửa sông. - Hạ Long, Nha Trang, Vũng Tàu,... - Bảng số liệu về nhiệt độ.
<p>2. Dân cư</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sơ lược về dân số, sự gia tăng dân số và phân bố dân cư của nước ta. - Ghi nhớ số dân của Việt Nam ở một thời điểm cụ thể. - Nhận biết được hậu quả của dân số đông và tăng nhanh. <p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ, lược đồ dân cư ở mức độ đơn giản để nhận biết một số đặc điểm dân cư Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ví dụ : năm 2004 Việt Nam có khoảng 82 triệu người. - Khó đáp ứng các nhu cầu của người dân về ăn, mặc, ở, học hành, chăm sóc y tế.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhớ được tên 2 trung tâm công nghiệp lớn nhất nước ta. - Nêu được một số đặc điểm nổi bật về giao thông, thương mại, du lịch của nước ta. - Nhớ tên một số địa điểm du lịch. <p>Kĩ năng</p> - Sử dụng sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, bản đồ (lược đồ) để bước đầu nhận xét về cơ cấu và phân bố của nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, công nghiệp, giao thông vận tải. - Chỉ một số trung tâm công nghiệp lớn trên bản đồ. - Chỉ một số tuyến đường và đầu mối giao thông chính trên bản đồ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. - Nước ta có nhiều loại đường và phương tiện giao thông. - Xuất khẩu : khoáng sản, hàng dệt may, nông sản, thủy sản, lâm sản ; nhập khẩu : máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên vật liệu. - Ngành du lịch của nước ta ngày càng phát triển. - Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, vịnh Hạ Long, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu... - Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,... - Đường sắt Thống nhất, quốc lộ 1A ; hai đầu mối giao thông chính Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
<p>II – ĐỊA LÝ THẾ GIỚI</p> <p>1. Châu Á</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tên các châu lục, các đại dương trên thế giới. - Mô tả sơ lược vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ châu Á. - Nêu được một số đặc điểm về địa hình, khí hậu, dân cư và hoạt động sản xuất của châu Á. - Nêu được một số đặc điểm của khu vực Đông Nam Á và một số nước láng giềng của Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - 3/4 diện tích là núi và cao nguyên, núi cao và đồ sộ bậc nhất thế giới. - Châu Á có nhiều đới khí hậu (nhiệt đới, ôn đới, hàn đới). - Châu lục có số dân đông nhất, chủ yếu là người da vàng. - Đại bộ phận các nước phát triển nông nghiệp là chính, một số nước có công nghiệp phát triển. - Có khí hậu nhiệt đới, sản xuất nhiều lúa gạo và khai thác khoáng sản,... - Trung Quốc : dân số đông nhất thế giới, đang phát triển nhiều ngành công nghiệp hiện đại,... - Lào và Cam-pu-chia là những nước nông nghiệp, bước đầu phát triển công nghiệp.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng quả Địa cầu, bản đồ (lược đồ) để xác định vị trí các châu lục và đại dương trên thế giới ; vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Á. - Đọc đúng tên và chỉ vị trí một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng sông lớn của châu Á trên bản đồ (lược đồ). - Sử dụng tranh, ảnh, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm của dân cư và hoạt động sản xuất của người dân châu Á. - Chỉ và đọc trên bản đồ (lược đồ) tên nước, tên thủ đô của một số quốc gia ở châu Á. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dãy núi Hi-ma-lay-a (có đỉnh Ê-vơ-rét cao nhất thế giới) ; cao nguyên : Tây Tạng, Gô-bi ; đồng bằng : Hoa Bắc, Ấn - Hằng, Mê Công ; sông : Hoàng Hà, Mê Công. - Trung Quốc (Bắc Kinh), Lào (Viêng Chăn), Cam-pu-chia (Phnôm Pênh).
<p>2. Châu Âu</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sơ lược vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ châu Âu. - Nêu được một số đặc điểm về địa hình, khí hậu, dân cư và hoạt động sản xuất của châu Âu. - Nêu được một số đặc điểm nổi bật của 2 quốc gia : Liên bang Nga và Pháp. 	<ul style="list-style-type: none"> - 2/3 diện tích là đồng bằng, còn lại là vùng núi và cao nguyên. - Khí hậu chủ yếu là ôn hoà. - Dân cư chủ yếu là người da trắng. - Nhiều nước có nền kinh tế phát triển. - Liên bang Nga : công nghiệp có các sản phẩm chính là máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông... ; nông nghiệp có các sản phẩm chính là lúa

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
		mì, lúa mạch, lợn, bò,...
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng quả Địa cầu, bản đồ (lược đồ) để nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Âu. - Đọc đúng tên, chỉ vị trí một số dãy núi, đồng bằng lớn, sông lớn của châu Âu trên bản đồ (lược đồ). - Sử dụng tranh ảnh, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm về dân cư và hoạt động sản xuất của người dân ở châu Âu. - Chỉ và đọc trên bản đồ (lược đồ) tên nước, tên thủ đô của một số quốc gia ở châu Âu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp : công nghiệp có các sản phẩm nổi tiếng là máy móc, thiết bị phương tiện giao thông,... ; nông nghiệp có các sản phẩm chính là khoai tây, củ cải đường, lúa mì, bò, cừu,... - Một số dãy núi : An-pơ, Các-pát, Xcan-đi-na-vi ; đồng bằng lớn : Đông Âu, Tây Âu và Trung Âu ; sông : Đa-nuýp, Vôn-ga. - Nga (Mat-xcơ-va), Pháp (Pa-ri), Đức (Bec-lin), Anh (Luân Đôn).
3. Châu Phi	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sơ lược vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Phi. - Nêu được một số đặc điểm về địa hình, khí hậu, dân cư và hoạt động sản xuất của châu Phi. - Nêu được một số đặc điểm nổi bật của Ai Cập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Địa hình chủ yếu là cao nguyên. - Khí hậu : nóng và khô. - Dân cư chủ yếu là người da đen. - Trồng cây công nghiệp nhiệt đới, khai thác khoáng sản. - Nền văn minh cổ đại, nổi tiếng về các công trình kiến trúc cổ.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<p><i>Kĩ năng</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng quả Địa cầu, bản đồ (lược đồ) nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Phi. - Chỉ được vị trí của hoang mạc Xa-ha-ra trên bản đồ (lược đồ). - Sử dụng tranh ảnh, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm dân cư và hoạt động sản xuất của người dân châu Phi. - Chỉ và đọc trên bản đồ (lược đồ) tên nước và thủ đô của Ai Cập. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ đô Cai-rô.
<p>4. Châu Mĩ</p>	<p><i>Kiến thức</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sơ lược vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ châu Mĩ. - Nêu được một số đặc điểm về địa hình, khí hậu, dân cư và hoạt động sản xuất của châu Mĩ. - Nêu được một số đặc điểm kinh tế của Hoa Kì. 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ tây sang đông : núi cao, đồng bằng, núi thấp và cao nguyên. - Châu Mĩ có nhiều đới khí hậu. - Người dân châu Mĩ chủ yếu có nguồn gốc là dân nhập cư. - Bắc Mĩ có kinh tế phát triển cao hơn Trung và Nam Mĩ. Bắc Mĩ có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp tiên tiến. Trung và Nam Mĩ chủ yếu sản xuất nông sản và khai thác khoáng sản để xuất khẩu. - Có nền kinh tế phát triển với nhiều ngành công nghiệp đứng hàng đầu thế giới và nông sản xuất khẩu lớn nhất thế giới.

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<p>Kĩ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng quả Địa cầu, bản đồ (lược đồ) để nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Mĩ. - Chỉ và đọc đúng tên một số dãy núi, cao nguyên, đồng bằng, sông lớn của châu Mĩ trên bản đồ (lược đồ). - Sử dụng tranh, ảnh, bản đồ (lược đồ) để nhận biết một số đặc điểm của dân cư và hoạt động sản xuất của người dân châu Mĩ. - Chỉ và đọc trên bản đồ (lược đồ) tên nước và thủ đô của Hoa Kì. 	<ul style="list-style-type: none"> - Các dãy núi : Coóc-đi-e, An-đét, A-pa-lát ; cao nguyên : Bra-xin ; đồng bằng : Trung tâm, A-ma-dôn ; sông : Mi-xi-xi-pi, A-ma-dôn. - Thủ đô Oa-sinh-ton.
<p>5. Châu Đại Dương, châu Nam Cực</p> <p>5.1. Châu Đại Dương</p>	<p>Kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả sơ lược vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của châu Đại Dương. - Nêu được sự khác biệt của tự nhiên giữa phần lục địa Ô-xtrây-li-a với các đảo, quần đảo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lục địa Ô-xtrây-li-a : khí hậu chủ yếu là khô hạn, hoang mạc và xa-van chiếm phần lớn diện tích. - Các đảo, quần đảo phần lớn có khí

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
		hậu đại dương : nóng ẩm.
	<p>- Nêu được một số đặc điểm về dân cư, hoạt động sản xuất và thực vật, động vật của châu Đại Dương.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng quả Địa cầu, bản đồ (lược đồ) để nhận biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ châu Đại Dương.</p> <p>- Chỉ và đọc trên bản đồ (lược đồ) tên nước và thủ đô của Ô-xtrây-li-a.</p>	<p>- Có số dân ít nhất trong số các châu lục.</p> <p>- Ô-xtrây-li-a là nước có nền kinh tế - xã hội phát triển, nổi tiếng về xuất khẩu lông cừu, len, thịt bò.</p> <p>- Thú có túi : cầy-gu-ru, gấu túi.</p> <p>- Thủ đô Can-be-ra.</p>
5.2. Châu Nam Cực	<p>Kiến thức</p> <p>- Mô tả sơ lược vị trí địa lí và giới hạn lãnh thổ của châu Nam Cực.</p> <p>- Nêu được một số đặc điểm nổi bật của châu Nam Cực.</p> <p>Kĩ năng</p> <p>- Sử dụng quả Địa cầu, bản đồ (lược đồ) nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ châu Nam Cực.</p>	<p>- Châu lục lạnh nhất thế giới, băng tuyết bao phủ quanh năm, chim cánh cụt là động vật tiêu biểu.</p>
6. Các đại dương	<p>Kiến thức</p> <p>- Mô tả được một số đặc điểm của các đại dương.</p> <p>- Ghi nhớ tên 4 đại dương.</p> <p>Kĩ năng</p>	<p>- Diện tích, độ sâu của mỗi đại dương.</p> <p>- Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương, Bắc Băng Dương.</p>

CHỦ ĐỀ	NỘI DUNG	CHỦ ĐỀ
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và nêu được vị trí từng đại dương trên bản đồ (lược đồ) hoặc trên quả Địa cầu. - Sử dụng bảng số liệu và bản đồ (lược đồ) để tìm một số đặc điểm nổi bật về diện tích, độ sâu của mỗi đại dương. 	

IV – GIẢI THÍCH – HƯỚNG DẪN

1. Quan điểm xây dựng và phát triển chương trình

Một số kiến thức lịch sử và địa lí đã được lồng ghép trong một vài chủ đề của môn Tự nhiên và Xã hội ở các lớp 1, 2, 3. Đến lớp 4 và 5, Lịch sử và Địa lí tách thành môn riêng nhằm giúp học sinh mở rộng và nâng cao hiểu biết về môi trường xung quanh, phù hợp với trình độ nhận thức của các em. Chương trình gồm hai phần : Lịch sử và Địa lí với nội dung như sau :

- Những sự kiện, nhân vật lịch sử phản ánh những cột mốc đánh dấu sự phát triển của các giai đoạn lịch sử, những thành tựu trong sự nghiệp dựng nước (kinh tế, chính trị, văn hoá,...) và giữ nước của ông cha ta từ buổi đầu dựng nước đến nay.

- Những kiến thức ban đầu về điều kiện sống, dân cư, về một số hoạt động kinh tế, văn hoá của đất nước Việt Nam, các châu lục và một số quốc gia trên thế giới.

Khi tiến hành dạy học, giáo viên cần tăng cường kết hợp những nội dung có quan hệ mật thiết với nhau giữa hai phần nói trên (ví dụ : thay đổi thứ tự nội dung của một trong hai phần và liên hệ những kiến thức gần nhau giữa hai phần). Bên cạnh đó, giáo viên cần chú ý liên hệ nội dung bài học với những nét đặc thù, tiêu biểu của lịch sử, địa lí ở địa phương.

2. Về phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học theo định hướng phát huy tính tích cực độc lập, sáng tạo của học sinh. Giáo viên dạy bài mới theo quy trình sau :

- Tổ chức cho học sinh khai thác các tư liệu trong sách giáo khoa, tranh ảnh, bản đồ, sơ đồ,... Qua đó, các em được biết sự kiện, nhân vật lịch sử, hiện tượng địa lí diễn ra như thế nào.

- Trên cơ sở các biểu tượng về lịch sử, địa lí đã được hình thành, giáo viên đặt các câu hỏi, đưa ra các bài tập,... và vận dụng các hình thức tổ chức dạy học (cá nhân, nhóm, cả lớp) giúp học sinh biết so sánh các điểm giống và khác nhau, phân tích các đặc điểm, tổng hợp những nét chung của các sự kiện lịch sử, hiện tượng địa lí để bước đầu hình thành khái niệm đơn giản.

- Từ những hiểu biết trên, giáo viên tổ chức cho học sinh trình bày dưới các hình thức khác nhau (nói, viết,...) về một sự kiện, nhân vật lịch sử, hiện tượng địa lí sinh động và chính xác. Đồng thời các em cũng biết vận dụng các kiến thức đã học vào cuộc sống trong việc bảo vệ thiên nhiên, môi trường và di sản văn hoá.

- Giáo viên cần tận dụng tối đa các điều kiện cụ thể ở địa phương để tổ chức các giờ học ngoài lớp, cho học sinh đi tham quan các cảnh quan, các di tích lịch sử – văn hoá, gặp gỡ các cá nhân và tập thể đã trực tiếp tham gia vào các sự kiện lịch sử, các hoạt động xã hội.

3. Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Việc đánh giá kết quả học tập của học sinh căn cứ vào chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu về thái độ của chương trình môn học. Đề kiểm tra bảo đảm yêu cầu cả về kiến thức, kĩ năng, thái độ và cần lưu ý :

- Không yêu cầu học sinh phải học thuộc lòng các câu chữ trong sách giáo khoa hay vở ghi bài mà cần trình bày các sự kiện, nhân vật lịch sử, hiện tượng địa lí bằng chính ngôn ngữ của mình.

- Rèn luyện cho học sinh kĩ năng phân tích, tổng hợp, khái quát,... ở mức độ đơn giản. Ví dụ, học sinh có thể tìm ra một, hai đặc điểm tiêu biểu nhất của một sự kiện, nhân vật lịch sử, hiện tượng địa lí.

4. Về việc vận dụng chương trình theo vùng miền và các đối tượng học sinh

Việc dạy và học môn Lịch sử và Địa lí ở các vùng miền, các trường chuyên biệt được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Cần đảm bảo để mọi học sinh đều đạt được chuẩn kiến thức và kĩ năng bộ môn. Những học sinh có nhu cầu và hứng thú học môn Lịch sử và Địa lí được khuyến khích và được tạo điều kiện để đáp ứng nguyện vọng.